

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TÊ
DOMESCO**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành
Ông Huỳnh Trung Chánh
Bà Nguyễn Thị Tiên
Ông Trần Thanh Phong
Bà Lương Thị Hương Giang
Ông Nguyễn Phương
Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu
Ông Jose Guillermo Frugone Domke
Ông Alexis Eduardo Camhi Levy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2013)
Thành viên
Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Trung Chánh
Bà Nguyễn Thị Tiên
Ông Nguyễn Văn Hòa
Ông Lê Văn Nhã Phương

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc Công nghiệp

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Số: 0583 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do đó, Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.

Chúng tôi cũng kiểm toán các bút toán điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là chính xác và được áp dụng phù hợp.



Võ Thuật Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		543.012.665.740	503.495.293.310
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	37.268.662.028	62.388.417.823
1. Tiền	111		37.268.662.028	62.388.417.823
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.973.615.222	240.950.695.387
1. Phải thu khách hàng	131		265.966.813.742	216.025.205.487
2. Trả trước cho người bán	132		2.503.353.773	1.762.249.141
3. Các khoản phải thu khác	135	7	10.394.679.060	25.293.190.496
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.891.231.353)	(2.129.949.737)
III. Hàng tồn kho	140	8	220.661.977.295	188.122.862.538
1. Hàng tồn kho	141		220.661.977.295	188.122.862.538
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.108.411.195	12.033.317.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.673.902.314	4.176.904.767
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.471.983.646	1.893.672.038
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	4.962.525.235	5.962.740.757
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		304.572.101.542	332.394.060.169
I. Tài sản cố định	220		275.090.187.951	284.040.629.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	220.060.941.869	219.952.305.631
- Nguyên giá	222		365.273.220.638	339.234.621.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(145.212.278.769)	(119.282.315.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	38.220.456.806	37.720.670.808
- Nguyên giá	228		40.225.520.462	39.081.956.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.005.063.656)	(1.361.286.189)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	16.808.789.276	26.367.652.613
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.640.641.988	41.798.621.988
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	7.000.000.000	8.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	20.000.000.000	33.570.200.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	626.000.000	713.780.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(5.985.358.012)	(985.358.012)
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.841.271.603	6.554.809.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.187.065.922	2.371.914.086
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	5.654.205.681	4.182.895.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		847.584.767.282	835.889.353.479

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		275.293.951.828	270.100.511.634
I. Nợ ngắn hạn	310		270.698.614.015	256.373.444.370
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	74.768.284.329	119.689.116.911
2. Phải trả người bán	312		102.525.362.660	51.249.652.183
3. Người mua trả tiền trước	313		1.470.070.435	1.290.535.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	21.719.320.684	30.112.613.989
5. Phải trả người lao động	315		23.537.138.512	15.461.181.053
6. Chi phí phải trả	316	20	33.397.085.547	20.756.195.916
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	10.898.682.118	12.628.373.463
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.382.669.730	5.185.775.785
II. Nợ dài hạn	330		4.595.337.813	13.727.067.264
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	1.943.936.113	3.769.341.911
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	2.651.401.700	9.659.401.700
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	298.323.653
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		572.290.815.454	565.788.841.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	572.290.815.454	565.788.841.845
1. Vốn điều lệ	411		178.093.360.000	178.093.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		229.515.239.894	229.515.239.894
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		102.846.539.106	79.760.512.313
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	17.809.336.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.026.340.454	60.610.393.638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		847.584.767.282	835.889.353.479

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

- USD

Thuyết minh

31/12/2012

31/12/2011

264.564,17

132.346,96

Đoàn Thị Quyên
Người lập biểuPhạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởngHuỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.370.085.934.045	1.194.863.534.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	110.159.942.521	62.807.453.005
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.259.925.991.524	1.132.056.081.656
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	868.887.575.241	758.395.976.929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		391.038.416.283	373.660.104.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	7.333.227.220	11.670.426.137
7. Chi phí tài chính	22	31	13.422.396.684	20.178.051.924
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.310.412.763	10.919.960.891
8. Chi phí bán hàng	24		140.215.537.259	152.070.977.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		128.657.174.156	104.688.283.471
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		116.076.535.404	108.393.217.851
11. Thu nhập khác	31		5.658.567.917	261.577.944
12. Chi phí khác	32		273.689.267	10.741.691
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	5.384.878.650	250.836.253
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		121.461.414.054	108.644.054.104
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	(31.698.701.668)	(42.190.566.634)
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	16	(1.471.310.637)	(4.182.895.043)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		<u>91.234.023.023</u>	<u>70.636.382.513</u>


 Đoàn Thị Quyên
 Người lập biểu


 Phạm Ngọc Tuyền
 Kế toán trưởng


 Huỳnh Trung Chánh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011 (trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.461.414.054	108.644.054.104
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.546.757.527	24.224.320.017
Các khoản dự phòng	03	7.761.281.616	(2.945.515.199)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(75.260.285)	531.943.515
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.633.126.323)	(6.242.229.841)
Chi phí lãi vay	06	8.310.412.763	10.919.960.891
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	162.371.479.352	135.132.533.487
Thay đổi các khoản phải thu	09	(31.749.361.565)	(29.298.206.674)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(32.539.114.757)	11.337.677.987
Thay đổi các khoản phải trả	11	66.494.530.583	38.122.479.399
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.336.382.443	3.008.124.617
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.122.116.971)	(10.919.960.891)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.856.082.373)	(27.628.904.869)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.000.215.522	3.102.529.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.701.304.652)	(27.258.991.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	102.234.627.582	95.597.280.969
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(26.655.676.448)	(68.987.944.702)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.318.627.724	28.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(500.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	15.704.460.000	27.373.098.500
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	574.724.487	4.090.331.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.557.864.237)	(41.496.514.861)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	16.139.709.319
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	169.982.629.100	188.086.121.971
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(221.885.230.598)	(198.824.322.270)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(65.894.543.200)	(38.507.741.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(117.797.144.698)	(33.106.232.780)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(25.120.381.353)	20.994.533.328
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	62.388.417.823	41.392.630.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	625.558	1.253.710
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	37.268.662.028	62.388.417.823

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 432.323.810 đồng (năm 2011 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 46.670.900 đồng thể hiện số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 33.160.000 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng cũng được điều chỉnh vào tăng giảm các khoản phải trả.



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tuyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 ngày 30 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 30 tháng 12 năm 2003. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY vào ngày 4 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là DMC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.335 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.285 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm-thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để chỉnh sửa lại các sai sót được phát hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm trước đối với phần chi phí phải trả. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Trình bày năm trước VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.289.501.858	4.182.895.043	1.893.393.185
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.219.220.804	30.112.613.989	1.893.393.185
Chi phí phải trả	11.127.146.978	20.756.195.916	9.629.048.938
Thặng dư vốn cổ phần	229.677.322.904	229.515.239.894	(162.083.010)
Lợi nhuận chưa phân phối	70.077.359.566	60.610.393.638	(9.466.965.928)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu tài chính	11.839.727.804	11.670.426.137	(169.301.667)
Chi phí tài chính	20.347.353.591	20.178.051.924	(169.301.667)
Chi phí bán hàng	142.604.011.690	152.070.977.618	9.466.965.928
Lợi nhuận trước thuế	118.111.020.032	108.644.054.104	(9.466.965.928)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.297.173.449	42.190.566.634	1.893.393.185
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	2.289.501.858	4.182.895.043	1.893.393.185
Lợi nhuận sau thuế	80.103.348.441	70.636.382.513	(9.466.965.928)

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 – 25
Máy móc thiết bị	2 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Phương tiện vận tải	2 – 6
Tài sản khác	3 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn, phần mềm máy vi tính và bằng sáng chế được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của Công ty lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của công ty con, công ty liên doanh và liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	3.761.456.864	6.109.308.844
Tiền gửi ngân hàng	33.507.205.164	56.279.108.979
	<u>37.268.662.028</u>	<u>62.388.417.823</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu khác từ việc bán cổ phiếu của Domenal	-	20.000.000.000
Phải thu khác từ các bên liên quan (Xem thuyết minh 36)	3.104.053.922	171.798.922
Trong đó: + Phải thu khác	2.249.053.922	171.798.922
+ Cho vay	900.000.000	-
Phải thu khác từ các bên thứ ba	7.290.625.138	5.121.391.574
	10.394.679.060	252.931.904.96

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng di động	25.043.314.038	-
Nguyên liệu, vật liệu	65.890.268.241	56.382.794.997
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.670.663.444	10.425.314.257
Thành phẩm	72.174.607.551	64.023.293.529
Hàng hóa	48.883.124.021	57.196.411.253
Hàng gửi đi bán	-	95.048.502
	220.661.977.295	188.122.862.538

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng cho Cán bộ công nhân viên	2.935.037.252	3.805.720.166
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.027.487.983	2.157.020.591
	4.962.525.235	5.962.740.757

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	151.362.696.161	154.577.716.597	21.349.193.059	11.945.015.540	339.234.621.357
Tăng trong năm	217.721.909	-	7.062.489.545	635.099.920	7.915.311.374
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.677.374.250	4.417.284.640	2.113.089.889	712.209.818	21.919.958.597
Thanh lý, nhượng bán	(2.072.094.942)	-	(1.356.486.563)	(368.089.185)	(3.796.670.690)
Tại ngày 31/12/2012	164.185.697.378	158.995.001.237	29.168.285.930	12.924.236.093	365.273.220.638
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	34.895.387.140	65.768.496.915	11.294.948.218	7.323.483.453	119.282.315.726
Khấu hao trong năm	7.407.901.095	15.239.081.359	3.340.252.353	1.950.490.288	27.937.725.095
Thanh lý, nhượng bán	(283.186.304)	-	(1.356.486.563)	(368.089.185)	(2.007.762.052)
Tại ngày 31/12/2012	42.020.101.931	81.007.578.274	13.278.714.008	8.905.884.556	145.212.278.769
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	122.165.595.447	77.987.422.963	15.889.571.922	4.018.351.537	220.060.941.869
Tại ngày 31/12/2011	116.467.309.021	88.809.219.682	10.054.244.841	4.621.532.087	219.952.305.631

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 32.000.971.943 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 35.437.762.187 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
 Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 64.912.836.330 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 52.837.885.744 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bảng sáng chế VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	37.740.255.117	1.341.701.88	-	39.081.956.997
Tăng trong năm	147.751.411	339.100.000	289.000.000	775.851.411
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn	983.312.054	-	-	983.312.054
Thanh lý, nhượng bán	(615.600.000)	-	-	(615.600.000)
Tại ngày 31/12/2012	38.255.718.582	1.680.801.88	289.000.000	40.225.520.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	717.696.498	643.589.691	-	1.361.286.189
Khấu hao trong năm	358.848.252	275.295.882	9.633.333	643.777.467
Tại ngày 31/12/2012	1.076.544.750	918.885.573	9.633.333	2.005.063.656
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	37.179.173.832	761.916.307	279.366.667	38.220.456.806
Tại ngày 31/12/2011	37.022.558.619	698.112.189	-	37.720.670.808

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15.798.322.850 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 16.148.171.102 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công trình KCN Cần Lố: Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	183.341.818
Tổng kho II - Tân Tạo	14.039.714.745	14.039.714.745
+ Quyền sử dụng đất	12.929.673.517	12.929.673.517
+ Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ	1.110.041.228	1.110.041.228
Nhà máy sản xuất thuốc viên - cốm - bột	246.901.546	246.901.546
Chi nhánh Vĩnh	-	1.720.920.890
Hệ thống xử lý nước thải - khu công nghiệp Cần Lố	-	7.198.899.123
Đất trồng dược liệu	-	983.312.054
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Gò Tháp	-	388.848.745
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Trĩ Tôn	184.598.651	200.371.287
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	146.591.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	120.844.091
Máy móc, thiết bị	151.691.800	415.966.600
Hệ thống xử lý nước thải - Trụ sở công ty	106.916.520	-
Hệ thống cấp nước tưới cây	979.591.500	-
Khác	685.883.829	721.940.138
Tổng	16.808.789.276	26.367.652.613

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-ĐN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH DOMENOL	Đồng Tháp	88%	88%	Sản xuất và kinh doanh cồn công nghiệp.

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động của Công ty như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH DOMENOL	7.000.000.000	8.500.000.000

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Domenol ("Công ty con"), một công ty trách nhiệm hữu hạn có số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng và được thành lập ở tỉnh Đồng Tháp. Số vốn góp của Công ty là 7.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 70% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.500.000.000 đồng và chiếm tỉ lệ 85%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính này vì công ty con hiện đang trong quá trình hoàn thành việc xây dựng cơ bản và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định giảm vốn điều lệ của Công ty con Theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do đó, phần vốn góp vào công ty con đã giảm đi từ 8.500.000.000 đồng xuống còn 7.000.000.000 trong năm 2012.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường (VIPACO)	Bình Dương	20%	20%	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh; bán buôn bao bì, hạt nhựa các loại.

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động của Công ty như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Y Dược Domesic	-	13.570.200.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
	20.000.000.000	33.570.200.000

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc chuyển nhượng 1.350.000 cổ phần, tương ứng với số tiền là

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13.570.200.000 đồng, của Công ty Cổ phần Y Dược Domic. Việc chuyển nhượng này đã hoàn tất trong kỳ với mức giá chuyển nhượng là 11.500 đồng/cổ phần và tổng tiền thu về là 15.525.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã phát sinh một khoản lãi là 1.954.800.000 đồng từ việc chuyển nhượng số cổ phần nói trên.

Do đó, Công ty chỉ còn nắm giữ 1.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với 20.000.000.000 đồng) tại Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường với số tiền là 5.985.358.012 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 985.358.012 đồng) dựa theo dự thảo báo cáo tài chính của Công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty liên kết vẫn chưa chính thức phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	626.000.000	626.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	-	87.780.000
	626.000.000	713.780.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá. Do vậy, Công ty không trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ, dụng cụ	303.911.549	654.908.686
Chi phí thuê Cửa hàng, văn phòng	309.000.004	412.000.000
Chi phí sửa chữa	1.574.154.369	1.305.005.400
	2.187.065.922	2.371.914.086

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả VND	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Ghi tăng lợi nhuận trong năm	4.118.822.580	64.072.463	4.182.895.043
Tại ngày 1/1/2012 (trình bày lại)	4.118.822.580	64.072.463	4.182.895.043
Ghi giảm lợi nhuận trong kỳ	1.535.383.101	(64.072.463)	1.471.310.638
Tại ngày 31/12/2012	5.654.205.681	-	5.654.205.681

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	13.653.080.000	40.157.537.200
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	29.119.819.470	37.502.446.670
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	24.987.384.859	9.134.133.041
Công ty Cổ phần Y Dược Domico	-	11.000.000.000
Nhân viên công ty và các cá nhân khác	-	14.887.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 23)	7.008.000.000	7.008.000.000
	74.768.284.329	119.689.116.911

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng, với lãi suất từ 3,77% đến 4% cho khoản vay bằng Đô la Mỹ và từ 8,9% đến 9,5% cho khoản vay bằng Đồng Việt Nam.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	5.556.294.651	2.593.786.539
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.613.271	10.270.346
Thuế xuất nhập khẩu	468.569.612	140.006.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.922.598.423	26.079.979.128
Thuế thu nhập cá nhân	1.211.034.125	1.271.731.665
Thuế tài nguyên	7.483.308	2.540.808
Các loại thuế khác	549.727.294	14.299.409
	21.719.320.684	30.112.613.989

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(trình bày lại) VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	28.645.726.994	20.756.195.916
Chi phí khác	4.563.062.761	-
Chi phí lãi vay	188.295.792	-
	33.397.085.547	20.756.195.916

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	4.343.321.390	3.893.316.515
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.475.593.925	3.858.422.750
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế	1.986.713.277	1.106.224.370
Sở Y Tế Lâm Đồng / Chuyển nhầm tài khoản	302.947.785	302.947.785
Phải trả phải nộp khác	675.810.318	-
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp	61.624.523	71.545.189
Cổ tức	46.670.900	33.160.000
Dại học Y Dược	6.000.000	6.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	104.530.325
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	7.000.000
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế	-	2.063.811.529
Bộ Công Thương / Hoàn trả kinh phí của Dự án hoàn thiện quy trình chiết xuất piperin	-	1.181.415.000
	10.898.682.118	12.628.373.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.943.936.113	2.296.001.911
Hoàn trả kinh phí cho Bộ Công thương cho Dự án hoàn thiện quy trình chiết xuất piperin	-	1.473.340.000
	1.943.936.113	3.769.341.911

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	2.651.401.700	9.659.401.700
	2.651.401.700	9.659.401.700

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp với hạn mức 28.537.000.000 đồng trong thời hạn 5 năm (từ tháng 6 năm 2009). Lãi suất cho khoản vay là 6,9%/năm và được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các thuyết minh số 10 và 11).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.008.000.000	7.008.000.000
Trong năm thứ hai	2.651.401.700	7.008.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	2.651.401.700
	9.659.401.700	16.667.401.700
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(7.008.000.000)	(7.008.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	2.651.401.700	9.659.401.700

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	17.809.336	17.809.336
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.809.336	17.809.336
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ năm giữ tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012
	Cổ phiếu %	VND
CFR International Spa	8.181.020 45,94%	81.810.200.000
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	6.181.778 34,71%	61.817.780.000
Cổ đông khác	3.446.538 19,35%	34.465.380.000
	17.809.336 100%	178.093.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 1/1/2011	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	58.236.641.879	14.225.821.980	82.398.446.526	546.491.883.970
Bán cổ phiếu quỹ	-	240.239.894	15.737.386.415	-	-	-	15.977.626.309
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	70.636.382.513	70.636.382.513
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(2.008.039.654)	(2.008.039.654)
Phân phối quỹ	-	-	-	25.076.233.667	3.583.514.020	(28.659.747.687)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.421.995.400)	(16.421.995.400)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(38.507.741.800)	(38.507.741.800)
Chi đào tạo	-	-	-	(3.552.363.233)	-	-	(3.552.363.233)
Chi khác	-	-	-	-	-	(6.826.910.860)	(6.826.910.860)
Tại 31/12/2011 (trình bày lại)	178.093.360.000	229.515.239.894	-	79.760.512.313	17.809.336.000	60.610.393.638	565.788.841.845
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	91.234.023.023	91.234.023.023
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Phân phối quỹ	-	-	-	26.185.550.051	-	(350.724.000)	(350.724.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.185.550.051)	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(13.785.192.221)	(13.785.192.221)
Chi đào tạo	-	-	-	-	-	(65.894.543.200)	(65.894.543.200)
Chi khác	-	-	-	(3.099.523.258)	-	-	(3.099.523.258)
Tại 31/12/2012	178.093.360.000	229.515.239.894	-	102.846.539.106	17.809.336.000	44.026.340.454	572.290.815.454

Theo Nghị quyết số 07/NQ-DHCD-DMC của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco thông qua ngày 6 tháng 4 năm 2012 của, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011, cụ thể:

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 11.535.192.221 đồng (tạm trích trong năm 2011 là 9.500.000.000 đồng).
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 26.185.550.051 đồng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát 1.600.000.000 đồng (tạm trích trong năm 2011 là 1.249.276.000 đồng)
- Trích quỹ tạo nguồn chi trả cho các khoản chi phí liên quan 1.602.066.969 đồng
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 39.180.539.200 đồng.

Theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 8 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm chia cổ tức đợt 1 của năm 2012 với tỷ lệ 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 26.714.004.000 đồng. Công ty đã tiến hành chi trả đủ số cổ tức nêu trên trong năm 2012.

Số liệu sau cũng liên quan đến việc phân phối quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco, Công ty đã được chấp thuận cho việc sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển cho mục đích đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty với một khoản tiền không vượt quá 20% số tiền trích cho quỹ này từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu sản xuất thuốc	1.004.114.711.831	856.831.239.116
Doanh thu bán hàng hóa	356.994.897.939	330.587.640.780
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.460.542.533	4.609.177.988
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	3.330.277.022	2.609.467.897
Doanh thu sản xuất rượu	185.504.720	226.008.880
	1.370.085.934.045	1.194.863.534.661

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2012 VND	2011 VND
Chiết khấu thương mại	107.273.847.445	60.919.816.170
Hàng bán bị trả lại	2.804.387.399	1.786.329.328
Thuế tiêu thụ đặc biệt	81.707.677	101.307.507
	110.159.942.521	62.807.453.005

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	320.808.658.611	303.017.783.831
Giá vốn sản xuất thuốc	545.921.826.154	453.523.080.546
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	1.951.836.651	1.564.837.671
Giá vốn sản xuất rượu	205.253.825	290.274.881
	868.887.575.241	758.395.976.929

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	(trình bày lại)	
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	534.042.724.051	398.614.869.218
Chi phí nhân công	67.041.151.712	105.393.615.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.546.757.527	24.224.320.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.093.462.060	158.115.222.757
Chi phí khác	35.536.546.944	29.513.567.261
	828.260.642.294	715.861.594.628

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	(trình bày lại)	
	VND	VND
Chiết khấu	3.375.538.214	2.778.712.515
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	2.046.480.000	2.123.898.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.243.485.569	2.655.920.976
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	551.224.487	1.915.157.341
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75.260.285	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	23.500.000	2.175.174.000
Khác	17.738.665	21.562.805
	7.333.227.220	11.670.426.137

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	(trình bày lại)	
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.310.412.763	10.919.960.891
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000.000	985.358.012
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	79.238.248	1.902.822.752
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.581.198	5.835.372.681
Khác	9.164.475	2.594.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	531.943.515
	13.422.396.684	20.178.051.924

32. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.318.627.724	28.000.000
Tài trợ cho Dự án xử lý nước thải từ Chính phủ	3.000.000.000	-
Thu nhập khác	1.339.940.193	233.577.944
	5.658.567.917	261.577.944
Chi phí khác	(273.689.267)	(10.741.691)
Lợi nhuận khác	5.384.878.650	250.836.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động khác	2012	2011
	VND	VND	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	124.342.255.099	(2.880.841.045)	121.461.414.054	108.644.054.104
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-	-	(2.175.174.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.909.492.575	122.601.712	37.032.094.287	104.483.953.065
Thu nhập chịu thuế/(lỗ) tính thuế	161.251.747.674	(2.758.239.333)	158.493.508.341	210.952.833.169
Cần trừ với lỗ hoạt động khác	(2.758.239.333)	2.758.239.333	-	-
Thu nhập tính thuế sau khi cần trừ	158.493.508.341	-	158.493.508.341	210.952.833.169
Thuế suất hiện hành	20%	25%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31.698.701.668	-	31.698.701.668	42.190.566.634

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 cho hoạt động sản xuất thuốc. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất 25% cho các hoạt động kinh doanh khác.

Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập chịu thuế và hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ nên doanh nghiệp đã bù trừ số lỗ của hoạt động kinh doanh khác với số tiền là 2.758.239.333 đồng vào thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế.

34. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.408.361.083	702.458.719
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	935.106.836	687.466.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.026.332.999	762.396.667
	1.961.439.835	1.449.863.334

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng và nhà thuốc cho các đại lý bán hàng. Các hợp đồng thuê khác được ký kết từ 6 tháng đến 5 năm.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TÊ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính.

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	77.419.686.029	129.348.518.611
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	37.268.662.028	62.388.417.823
Nợ thuần	40.151.024.001	66.960.100.788
Vốn chủ sở hữu	572.290.815.454	565.788.841.845
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,07	0,12

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.268.662.028	62.388.417.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.470.261.449	239.188.446.246
Ký quỹ, ký cược	2.027.487.983	2.157.020.591
Đầu tư dài hạn khác	626.000.000	713.780.000
Tổng cộng	311.392.411.460	304.447.664.660
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	77.419.686.029	129.348.518.611
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	109.080.723.388	56.627.952.277
Chi phí phải trả	33.397.085.547	20.756.195.916
Tổng cộng	219.897.494.964	206.732.666.804

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	111.283.162.262	105.973.703.847	5.518.808.586	5.034.905.899
Đồng Euro (EUR)	11.729.226.778	2.508.651.127	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	1.765.120.000	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng và giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.288.217.684	5.046.939.897
Euro (EUR)	586.461.339	125.432.556
Yên Nhật Bản (JPY)	-	88.256.000
	5.874.679.023	5.260.628.454

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.268.662.028	-	37.268.662.028
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.470.261.449	-	271.470.261.449
Ký quỹ, ký cược	2.027.487.983	-	2.027.487.983
Đầu tư dài hạn khác	-	626.000.000	626.000.000
Tổng cộng	310.766.411.460	626.000.000	311.392.411.460
Các khoản vay	74.768.284.329	2.651.401.700	77.419.686.029
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	109.080.723.388	-	109.080.723.388
Chi phí phải trả	33.397.085.547	-	33.397.085.547
Tổng cộng	217.246.093.264	2.651.401.700	219.897.494.964
Chênh lệch thanh khoản thuần	93.520.318.196	(2.025.401.700)	91.494.916.496
Tại ngày 31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.388.417.823	-	62.388.417.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.188.446.246	-	239.188.446.246
Ký quỹ, ký cược	2.157.020.591	-	2.157.020.591
Đầu tư dài hạn khác	-	713.780.000	713.780.000
Tổng cộng	303.733.884.660	713.780.000	304.447.664.660
Các khoản vay	119.689.116.911	9.659.401.700	129.348.518.611
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	59.984.709.131	-	59.984.709.131
Chi phí phải trả	20.756.195.916	-	20.756.195.916
Tổng cộng	200.430.021.958	9.659.401.700	210.089.423.658
Chênh lệch thanh khoản thuần	103.303.862.702	(8.945.621.700)	94.358.241.002

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một hệ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH Domenol		
Góp vốn	500.000.000	4.000.000.000
Thoái vốn	2.000.000.000	-
Chi hộ chi phí hoạt động	32.255.000	17.559.172
Mua hàng	1.850.974.000	-
Cho vay	2.900.000.000	-
Lãi vay	114.878.954	-
Hàng mua trả lại	8.910.000	-
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic		
Thoái vốn	13.570.200.000	-
Chi hộ chi phí hoạt động	-	136.890.688
Bán hàng	-	403.367.555
Lãi vay	-	1.716.822.220
Trả gốc vay	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua hàng	57.041.834	480.603.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.351.026.751	2.730.327.808

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn góp		
Công ty TNHH Domenol	7.000.000.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic	-	13.570.200.000
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu khác		
Công ty TNHH Domenol	2.249.053.922	171.798.922
Ban Tổng Giám đốc	360.000.000	360.000.000
Vay		
Công ty Cổ phần Y dược Domedic	-	11.000.000.000
Cho vay		
Công ty TNHH Domenol	900.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

37. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 3 năm 2013.



Đoàn Thị Quyên
Người lập biểu



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2013



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750

www.deloitte.com/vn

© 2013 Deloitte Vietnam